

**CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN****VIET TIN TESTING CO., LTD**

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh
Laboratory & Office: No.39A, 4th Street, An Lac Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 15798.2506/KQ-VTT

Mã số/ Code: KH.5464 2506

Mã số mẫu/ Sample code: PTN.14725 2506

Trang/ Page: 1/3

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT**

Tên khách hàng/ Client : **CÔNG TY TNHH MOUNTAIN FARMERS**
Địa chỉ/ Address : Thôn Kon Klor2, Xã Đắk Rơ Wa, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam,
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 17/06/2025 Thời gian phân tích/ Time of analysis: 17-25/06/2025
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 26/06/2025
Loại mẫu/ Kind of sample : Thực phẩm Số lượng mẫu/ Quantity of sample: 500g
Tên mẫu/ Name of sample : Bột sữa hạt
Tình trạng mẫu/ State of sample : Đựng trong hộp kín

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
1	Năng lượng	TCVN 7088 : 2015	428	kcal/100g
2	Carbohydrat (không bao gồm chất xơ)	SOP.01-445: 2022 (Ref. AOAC 986.25)	61,3	g/100g
3	Béo tổng (*)	SOP.01-194: 2021 (Ref. FAO FOOD 14/7, page 214)	10,7	g/100g
4	Protein (*)	TCVN 10034: 2013 (ISO 1871 : 2009)	21,5	g/100g
5	Đường tổng (*)	SOP.01-122: 2020 (Ref. TCVN 4594 : 1988)	6,57	g/100g
6	Natri (Na) (*)	SOP.01-173:2020 (Ref. AOAC 969.23)	5,45	mg/100g
7	Độ ẩm (*)	SOP.01-197: 2021 (Ref. FAO FOOD 14/7, page 205)	2,34	%
8	Cadmi (Cd) (*)	AOAC 999.11	Không phát hiện (LOD=0,0015)	mg/kg
9	Chì (Pb) (*)	AOAC 999.11	Không phát hiện (LOD=0,01)	mg/kg
10	Aflatoxin (B1,B2,G1,G2) (*)	SOP.01-362: 2022 (Ref. AOAC 991.31)	Không phát hiện (LOD=0,5)	µg/kg
11	Aflatoxin B1 (*)	SOP.01-362: 2022 (Ref. AOAC 991.31)	Không phát hiện (LOD=0,2)	µg/kg
12	Ochratoxin A (*)	SOP.01-363: 2022 (Ref. AOAC 2004.10)	Không phát hiện (LOD=0,2)	µg/kg
13	Deoxynivalenol (DON)	SOP.01-603: 2024 (Ref. EN 15791 : 2009)	Không phát hiện (LOD=10)	µg/kg
14	Zearalenone (ZON)	SOP.01-604: 2024 (Ref. TCVN 10640 : 2014)	Không phát hiện (LOD=1)	µg/kg
15	Aflatoxin M1	SOP.01-605:2024 (Ref.TCVN 6685: 2009)	Không phát hiện (LOD = 0,006)	µg/kg

**CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN****VIET TIN TESTING CO., LTD**

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh
Laboratory & Office: No.39A, 4th Street, An Lac Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktelviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 15798.2506/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.5464 2506
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.14725 2506
Trang/ Page: 2/3

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT**

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
16	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	AOAC 975.55	< 10	CFU/g
17	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013/ Amd1:2022)	6,2x10 ²	CFU/g
18	Tổng số nấm men nấm mốc (*)	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	1,5x10 ²	CFU/g
19	Coliforms (*)	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	7,0x10 ¹	CFU/g
20	<i>Escherichia coli</i> (*)	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	< 10	CFU/g
21	<i>Bacillus cereus</i> (*)	AOAC 980.31	< 10	CFU/g
22	<i>Clostridium perfringens</i> (*)	TCVN 4991:2005	< 10	CFU/g

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.
LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection. Kết quả được biểu thị < 1, < 10 CFU/đơn vị tính khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ The expression of results is less than 1 or less than 10 CFU/unit when the dish contains no colonies
(*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER****ThS. Huỳnh Ngọc Trưởng****GIÁM ĐỐC
DIRECTOR****ThS. Nguyễn Văn Tâm**



CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN

VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh
Laboratory & Office: No.39A, 4th Street, An Lac Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



VILAS 1074 VIMCERTS 211

Số/ No: 15798.2506/KQ-VTT

Mã số/ Code: KH.5464 2506

Mã số mẫu/ Sample code: PTN.14725 2506

Trang/ Page: 3/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Giá trị dinh dưỡng tính trong 100g

		% Giá trị hàng ngày*
Năng lượng	428 Kcal	
Chất đạm	21.5g	
Carbohydrat	61.3g	19%
Đường tổng số	6.57g	
Chất béo	10.7g	19%
Natri	5.45mg	0%

* Giá trị hàng ngày (%) cho biết một chất dinh dưỡng trong khẩu phần thực phẩm đóng góp bao nhiêu vào chế độ ăn hàng ngày. 2.000 Kcal mỗi ngày được sử dụng để đưa ra các khuyến nghị dinh dưỡng chung.

